

Số: 310 /NHCS-TDNN

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2016

HƯỚNG DẪN

Thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2)

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2), sau đây viết tắt là Quyết định 33/2015/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 33/2015/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là Thông tư 08/2015/TT-BXD);

Căn cứ văn bản số 7447/NHNN-TD ngày 30/9/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cho vay hộ nghèo về nhà ở giai đoạn 2 theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là văn bản 7447/NHNN-TD);

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg như sau:

1. Đối tượng được vay vốn

Hộ gia đình nghèo có tên trong Danh sách hộ nghèo được vay vốn tại Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh phê duyệt và cung cấp cho NHCSXH. Trường hợp hộ nghèo có tên trong Danh sách hộ nghèo được vay vốn tại Đề án hỗ trợ nhà ở đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt, nhưng trong quá trình thực hiện chính sách này đã thoát nghèo, thì vẫn được xem xét cho vay vốn để làm nhà ở theo hướng dẫn tại văn bản này.

2. Mức cho vay: Mức cho vay tối đa 25 triệu đồng/hộ.

3. Sử dụng vốn vay: Vốn vay được sử dụng vào việc xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở (mua vật liệu xây dựng, chi phí nhân công,...).

4. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay: 3%/năm (0,25%/tháng).

b) Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất khi cho vay (3,9%/năm).

5. Thời hạn cho vay

- Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ thời điểm hộ vay nhận nợ món vay đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 05 năm đầu.

- Trong thời gian ân hạn, hộ vay chưa phải trả nợ, trả lãi. Hộ vay bắt đầu trả nợ, trả lãi tiền vay từ năm thứ 6 trở đi. Mức trả nợ mỗi năm tối thiểu bằng 10% tổng số vốn đã vay.

6. Phương thức cho vay

Thực hiện theo phương thức ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội, gồm: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Cơ chế ủy thác cho vay được thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo. Hộ vay là thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) được thành lập theo quy định của NHCSXH.

7. Định kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vốn vay

a) NHCSXH nơi cho vay và hộ vay thỏa thuận về số tiền và các kỳ hạn trả nợ gốc theo định kỳ ít nhất 1 năm/lần và định kỳ trả lãi theo quy định hiện hành.

b) Hộ vay thực hiện trả nợ gốc, lãi vốn vay từ năm thứ 06. Mức trả nợ mỗi năm tối thiểu bằng 10% tổng số tiền gốc, lãi.

c) Hộ vay được trả nợ gốc trước hạn và trả lãi trong thời gian ân hạn.

8. Hồ sơ vay vốn

a) Đối với hộ vay

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo mẫu số 01/TD.

- Sổ vay vốn.

b) Đối với Tổ TK&VV

- Biên bản họp Tổ TK&VV theo mẫu số 10C/TD.

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH theo mẫu số 03/TD (Sau đây viết tắt là Danh sách 03/TD).

c) Đối với UBND cấp xã: Bản tổng hợp Danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn đã được UBND cấp xã xác nhận.

9. Quy trình cho vay

a) Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) gửi Tổ TK&VV. Trên mẫu số 01/TD này, người vay phải tự viết bổ sung nội dung cam kết “và không chuyển nhượng nhà ở khi chưa trả hết nợ gốc và lãi của khoản vay này” vào cuối cùng phần cam kết của hộ vay.

Trường hợp, thành viên trong hộ đứng tên vay vốn không trùng với tên người đại diện hộ gia đình trong Danh sách hộ nghèo có nhu cầu vay vốn hỗ trợ nhà ở tại Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt thì phải được UBND cấp xã nơi hộ vay cư trú xác nhận quan hệ của người vay và người có tên trong Danh sách là thành viên trong cùng một hộ. Việc xác nhận này được Chủ tịch UBND cấp xã ghi, ký tên, đóng dấu vào dưới phần “Cam kết của hộ vay” trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay.



b) Sau khi nhận Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của hộ vay, Tổ TK&VV phối hợp với Trưởng thôn và đơn vị nhận ủy thác cấp xã tổ chức họp công khai và hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ vay vốn, gửi Ban giám nghèo cấp xã để trình UBND cấp xã xem xét, xác nhận.

c) Cán bộ tín dụng được giao nhiệm vụ thực hiện: Kiểm tra hồ sơ vay vốn đảm bảo đầy đủ, đúng quy định; đối chiếu khớp đúng hộ có tên trong Danh sách 03/TD đã có xác nhận của UBND cấp xã với Danh sách hộ nghèo được vay vốn tại Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt và Bản tổng hợp Danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn đã được UBND cấp xã xác nhận; trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt; lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay (theo mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã.

Thời hạn làm thủ tục giải ngân không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn theo đúng quy định.

d) UBND cấp xã thông báo kết quả phê duyệt giải ngân tới các đơn vị nhận ủy thác cấp xã và Tổ TK&VV để tiếp tục thông báo đến từng hộ vay vốn biết về kế hoạch giải ngân (thời gian, địa điểm giải ngân,...).

đ) NHCSXH nơi cho vay thực hiện giải ngân vốn vay trực tiếp cho hộ vay vốn theo quy định hiện hành.

10. Thu nợ gốc, thu lãi vốn vay

a) Thu nợ gốc: Trước thời hạn trả nợ theo định kỳ trả nợ gốc và trước thời hạn trả nợ cuối cùng ít nhất 30 ngày, NHCSXH nơi cho vay lập và gửi Thông báo nợ đến hạn cho đơn vị nhận ủy thác cấp xã, Tổ TK&VV để thông báo, đôn đốc hộ vay có kế hoạch trả nợ. Hộ vay trả nợ trực tiếp cho Ngân hàng tại Điểm giao dịch xã hoặc tại trụ sở NHCSXH. Trường hợp, người vay chưa trả được nợ gốc của kỳ hạn này thì được theo dõi trả vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

b) Thu lãi vốn vay

- Kể từ năm thứ 06 trở đi, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị nhận ủy thác và Tổ TK&VV đôn đốc hộ vay thực hiện trả lãi vốn vay hàng tháng. Số tiền lãi phải trả hàng tháng tối thiểu bằng số tiền lãi tháng cộng với số lãi được phân bổ trong thời gian ân hạn.

- Trường hợp trong thời gian ân hạn, hộ vay có nhu cầu trả lãi vốn vay hàng tháng, NHCSXH nơi cho vay phục vụ theo đề nghị của người vay và áp dụng quy trình, thủ tục thu lãi theo quy định hiện hành.

11. Gia hạn nợ

a) Thủ tục gia hạn nợ

Trước 5 ngày khi đến thời hạn trả nợ cuối cùng, nếu hộ vay có khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ thì viết Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu số 09/TD gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét, cho gia hạn nợ trên cơ sở khả năng trả nợ của hộ vay trong thời gian tiếp theo.

b) Thời gian gia hạn nợ

Tuỳ từng trường hợp cụ thể, NHCSXH nơi cho vay xem xét, cho gia hạn nợ một hoặc nhiều lần đối với khoản vay nhưng tổng thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn đã cho vay.

12. Chuyển nợ quá hạn

a) Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Hộ vay sử dụng vốn vay sai mục đích, kể cả trường hợp hộ vay chuyển nhượng nhà ở khi chưa trả hết nợ gốc và lãi của khoản vay này thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn. Nếu chưa thu hồi được nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

- Đến hạn trả nợ cuối cùng, hộ vay không trả nợ đúng hạn và không được NHCSXH nơi cho vay cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

b) NHCSXH nơi cho vay tích cực phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị nhận ủy thác và Tổ TK&VV có biện pháp kiên quyết đôn đốc, thu hồi nợ quá hạn.

13. Chi trả phí ủy thác và hoa hồng

Việc trả phí ủy thác và hoa hồng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng tính trên số dư nợ bình quân tháng theo quy định:

a) Phí ủy thác trả cho các đơn vị nhận ủy thác cấp xã là 0,03%/tháng;

b) Hoa hồng trả cho Tổ TK&VV là 0,05%/tháng.

14. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành về xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

15. Lưu giữ hồ sơ vay vốn

Toàn bộ hồ sơ cho vay được lưu trữ theo quy định hiện hành của NHCSXH. Riêng Danh sách hộ nghèo có nhu cầu vay vốn tại Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 do UBND cấp tỉnh phê duyệt và văn bản tổng hợp Danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn của UBND cấp xã được lưu giữ tại bộ phận Tín dụng để phục vụ việc theo dõi, kiểm tra, giám sát,...

16. Hạch toán kế toán

NHCSXH nơi cho vay hạch toán các khoản cho vay vốn theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg vào tài khoản “Cho vay hộ nghèo về nhà ở” theo quy định hiện hành.

17. Chế độ báo cáo thống kê

Việc lập báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH.

18. Tổ chức thực hiện

a) NHCSXH các tỉnh, thành phố có trách nhiệm báo cáo UBND và tham mưu Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp chỉ đạo tổ chức triển

khai thực hiện Quyết định 33/2015/QĐ-TTg; quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị về nội dung văn bản này, Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư 08/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng, văn bản số 7447/NHNN-TD của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách tín dụng theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg tới các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo cho vay đúng đối tượng, đúng chính sách quy định.

b) NHCSXH các tỉnh, thành phố có trách nhiệm trích sao Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 kèm Danh sách hộ nghèo thuộc diện hỗ trợ nhà ở của từng huyện trong Đề án đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt để gửi cho các Phòng giao dịch trực thuộc làm cơ sở cho vay theo quy định.

c) NHCSXH nơi cho vay và các đơn vị nhận ủy thác thực hiện công khai chính sách và danh sách hộ vay theo quy định hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH.

d) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, Sở giao dịch, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm đào tạo và các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính có trách nhiệm tham mưu Tổng Giám đốc NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

đ) Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký 16/02/2016 và được thực hiện giải ngân đến hết ngày 31/12/2020 theo chỉ tiêu kế hoạch được Tổng Giám đốc giao hàng năm./.

*(Gửi kèm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng CP
Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng,
văn bản số 7447/NHNN-TD ngày 30/9/2015 của Ngân hàng Nhà nước)*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Ngân hàng Nhà nước VN;
- Hội LH Phụ nữ VN;
- Hội Nông dân VN;
- Hội Cựu chiến binh VN;
- TW Đoàn TNCS HCM;
- Tổng giám đốc;
- Trưởng Ban kiểm soát HĐQT;
- Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các Ban CMNV tại HSC;
- Sở giao dịch, TTĐT, TTCNTT;
- Ban KTKSNB KVMN;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TK, PC, TDNN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lý

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 5 ...
	Ngày: ... 10/8/15 ...

QUYẾT ĐỊNH

Về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).

Điều 1. Mục tiêu và nguyên tắc thực hiện

1. Mục tiêu: Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho khoảng 311.000 hộ nghèo khu vực nông thôn (theo báo cáo rà soát của các địa phương), đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo bền vững.

2. Nguyên tắc thực hiện việc hỗ trợ

a) Hỗ trợ đến từng hộ gia đình; bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước; phù hợp với phong tục tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hoá của từng dân tộc; phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới;

b) Huy động từ nhiều nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm. Thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ theo phương thức cho vay vốn để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở với lãi suất ưu đãi, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở;

c) Sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 24 m² (đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m²) và “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng); tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên. Nhà ở phải đảm bảo an toàn khi xảy ra bão, tố, lốc;

d) Hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở (bao gồm xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có yêu cầu) và chỉ được chuyển nhượng sau khi đã trả hết nợ vay (cả gốc và lãi) cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 2. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ nhà ở

1. Đối tượng

Hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo quy định của Quyết định này phải là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Quyết định này có hiệu lực thi hành tối thiểu 05 năm.

2. Điều kiện

a) Chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, đột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

b) Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác;

c) Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như: Bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hoả hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, đột nát, có nguy cơ sập đổ.

3. Những trường hợp sau đây không thuộc diện đối tượng hỗ trợ theo quy định của Quyết định này:

a) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

b) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung các dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long;

c) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

d) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 716/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung;

đ) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão, lụt khu vực miền Trung.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 được áp dụng đối với các hộ thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định này đang cư trú tại khu vực nông thôn hoặc đang cư trú tại các thôn, làng, buôn, bản, ấp, phum, sóc (gọi chung là thôn) trực thuộc phường, thị trấn hoặc xã trực thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh nhưng sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp.

Điều 4. Xếp loại thứ tự ưu tiên hỗ trợ

Thực hiện ưu tiên hỗ trợ trước cho các đối tượng theo thứ tự sau đây:

1. Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật).
2. Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số.
3. Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.
4. Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn.
5. Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.
6. Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.
- 7 Các hộ gia đình còn lại.

Điều 5. Nguồn vốn thực hiện, cấp bù chênh lệch lãi suất, quyết toán vốn cấp bù chênh lệch lãi suất, mức vay, phương thức cho vay, giải ngân vốn vay và thủ tục quy trình vay vốn

1. Nguồn vốn thực hiện

a) Vốn vay ưu đãi

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho các hộ dân thuộc diện đối tượng vay theo mức quy định tại Quyết định này. Nguồn vốn vay do ngân sách trung ương cấp 50% trên tổng số vốn vay cho Ngân hàng Chính sách xã hội, 50% còn lại do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động;

b) Vốn huy động từ "Quỹ vì người nghèo" do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp vận động từ cộng đồng xã hội và từ các doanh nghiệp. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng phối hợp vận động các doanh nghiệp ủng hộ "Quỹ vì người nghèo" và hỗ trợ cho Chương trình;

c) Vốn của hộ gia đình được huy động từ gia đình, dòng họ;

d) Vốn lồng ghép từ các chương trình, mục tiêu khác.

2. Cấp bù chênh lệch lãi suất

Ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách như sau:

a) Đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi, ngân sách Trung ương đảm bảo 100% mức cấp bù chênh lệch lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Đối với các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương dưới 50%; ngân sách Trung ương hỗ trợ 50%, ngân sách địa phương đảm bảo 50% mức cấp bù chênh lệch lãi suất giữa lãi suất bình quân trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động với lãi suất cho vay thực hiện chương trình và dư nợ cho vay thực tế bình quân (tính theo phương pháp tích số) của chương trình;

c) Đối với các địa phương còn lại, ngân sách địa phương đảm bảo 100% mức cấp bù chênh lệch lãi suất giữa lãi suất bình quân trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động với lãi suất cho vay thực hiện chương trình và dư nợ cho vay thực tế bình quân (tính theo phương pháp tích số) của chương trình.

3. Quyết toán vốn cấp bù chênh lệch lãi suất

Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm tính toán và xác định mức chênh lệch lãi suất bình quân và dư nợ cho vay thực tế bình quân của từng địa phương. Kết thúc năm tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tại các địa phương nêu tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều 5 tính toán mức cấp bù chênh lệch lãi suất của ngân sách địa phương. Trên cơ sở số cấp bù chênh lệch lãi suất của ngân sách địa phương, Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xác định tổng mức cấp bù chênh lệch lãi suất từ ngân sách Trung ương cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Mức vay

Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định này có nhu cầu vay vốn, được vay tối đa 25 triệu đồng/hộ từ Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở. Lãi suất vay 3%/năm; thời hạn vay là 15 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ tối đa là 10 năm bắt đầu từ năm thứ 6, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 10% tổng số vốn đã vay.

5. Phương thức cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngoài mức vay, hộ gia đình tham gia đóng góp và huy động các nguồn vốn khác từ cộng đồng để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở đảm bảo quy mô và chất lượng theo quy định.

6. Giải ngân vốn vay

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xác nhận tiền độ xây dựng nhà ở của hộ nghèo trên địa bàn và có văn bản tổng hợp gửi Ngân hàng Chính sách xã hội;

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân 100% vốn vay theo quy định đối với những hộ gia đình thực hiện xây dựng mới nhà ở sau khi hoàn thành phần móng và đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà ở đã có sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc.

7. Thủ tục quy trình vay vốn

a) Bình xét và phê duyệt danh sách các hộ gia đình được hỗ trợ

Các thôn tổ chức bình xét đối tượng và phân loại ưu tiên theo đúng quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch và gửi danh sách số hộ được bình xét lên Ủy ban nhân dân cấp xã;

Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, rà soát lại danh sách hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm cơ sở lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn.

b) Vốn làm nhà ở

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi danh sách hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay;

Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

Đối với vốn vay, hộ gia đình thực hiện thủ tục, quy trình vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Đối với vốn huy động từ “Quỹ vì người nghèo” và các đóng góp tự nguyện khác trên địa bàn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp hỗ trợ cho các hộ thuộc diện đối tượng.

c) Thực hiện xây dựng nhà ở

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình xây dựng và sửa chữa nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích và chất lượng theo quy định của Quyết định này và vận động các hộ gia đình tự tổ chức xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở. Đối với hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...) không thể tự xây dựng được, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của địa phương tổ chức xây dựng cho các đối tượng này.

Điều 6. Chi phí quản lý

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sử dụng ngân sách địa phương để bố trí kinh phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách (cho các cấp tỉnh, huyện, xã) với mức tối đa không quá 0,5% tổng vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách theo quy định.

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện

1. Sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc bình xét, lập danh sách số hộ nghèo được hỗ trợ theo quy định; đồng thời lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Tổ chức thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 theo quy định của Quyết định này trong 6 năm, từ năm 2015 đến năm 2020, cụ thể như sau:

- Năm 2015: Xây dựng đề án và phê duyệt đề án;
- Năm 2016: Thực hiện hỗ trợ khoảng 10% số đối tượng;
- Năm 2017: Thực hiện hỗ trợ khoảng 20% số đối tượng;
- Năm 2018: Thực hiện hỗ trợ khoảng 25% số đối tượng;
- Năm 2019: Thực hiện hỗ trợ khoảng 25% số đối tượng;

- Năm 2020: Thực hiện hỗ trợ khoảng 20% số đối tượng; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chính sách.

3. Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện Chính sách chậm nhất sau 03 tháng kể từ ngày hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

a) Bộ Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp các Bộ liên quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Chủ trì, phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội và các Bộ, ngành liên quan và mời Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở theo đúng mục tiêu và yêu cầu; tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ mỗi năm một lần báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Kiện toàn Ban Điều phối chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở để đảm nhận nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015;

- Hàng năm, lập dự toán chi phí hoạt động của Ban Điều phối chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; gửi Bộ Tài chính để bố trí kinh phí hoạt động cho Ban Điều phối.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ đăng ký kế hoạch nguồn vốn ngân sách Nhà nước hàng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội, chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng tổng hợp kế hoạch, cân đối, bố trí vốn, cấp bù chênh lệch lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Quyết định này.

c) Bộ Tài chính

- Trên cơ sở tổng số cấp bù chênh lệch lãi suất do Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Xây dựng kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ thực hiện khấu trừ vào tổng mức cấp bù chênh lệch lãi suất từ ngân sách Trung ương cho Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Xây dựng cân đối, bố trí vốn, cấp bù chênh lệch lãi suất kịp thời cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí kinh phí hoạt động của Ban Điều phối chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 vào nguồn chi thường xuyên của Bộ Xây dựng theo dự toán chi phí hàng năm.

d) Ủy ban Dân tộc hướng dẫn các địa phương xác định thôn đặc biệt khó khăn; phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi đạo theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội.

e) Ngân hàng Chính sách xã hội xây dựng kế hoạch sử dụng vốn và kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; thực hiện cho vay, thu hồi nợ vay và xử lý nợ rủi ro theo quy định hiện hành; hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục vay vốn theo quy định đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chịu trách nhiệm trong việc lập, phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn, đảm bảo theo tiến độ quy định tại Quyết định này.

b) Công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và chỉ đạo bình xét, lập danh sách các hộ nghèo được hỗ trợ trên địa bàn; xếp loại thứ tự ưu tiên hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định. Chỉ đạo việc lập và phê duyệt danh sách hộ nghèo thuộc diện được vay vốn làm nhà ở theo quy định của Quyết định này.

c) Gửi Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn đã được phê duyệt về Bộ Xây dựng, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian 03 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành để bố trí vốn và phối hợp đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Giao việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình 167 (đối với các địa phương không có Ban Chỉ đạo Chương trình 167, giao Ban Chỉ đạo thực hiện các mục tiêu giảm nghèo các cấp của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); giao Sở Xây dựng là cơ quan thường trực chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 theo quy định tại Quyết định này; chỉ đạo Sở Xây dựng thiết kế một số mẫu nhà ở phù hợp để người dân tham khảo, lựa chọn.

đ) Bố trí đủ chi phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách theo quy định tại Quyết định này. Chỉ đạo các cơ quan liên quan, các cấp chính quyền địa phương phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn vận động cộng đồng ủng hộ, giúp đỡ hộ nghèo xây dựng nhà ở;

Ngoài ra, tùy điều kiện thực tế, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hỗ trợ thêm từ ngân sách địa phương để nâng cao chất lượng nhà ở của các hộ gia đình.

e) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo chính sách đến được từng hộ nghèo có khó khăn về nhà ở; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực; đảm bảo các hộ nghèo có nhà ở sau khi được hỗ trợ theo quy định của Quyết định này; có biện pháp phòng ngừa việc chuyển nhượng nhà ở trái quy định.

g) Hàng tháng có báo cáo nhanh, mỗi năm một lần có báo cáo định kỳ kết quả thực hiện gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

h) Chỉ đạo lập kế hoạch vốn thực hiện chính sách (bao gồm tất cả các nguồn vốn), báo cáo tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân hàng năm gửi về Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội để làm căn cứ tổng hợp kế hoạch vốn vay.

3. Đối với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

a) Có trách nhiệm chỉ đạo các cấp bộ Đoàn tuyên truyền, phổ biến chính sách; tham gia vận động các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng ủng hộ bằng tiền, vật liệu xây dựng hoặc ngày công lao động để giúp đỡ các hộ nghèo xây dựng nhà ở.

b) Chỉ đạo các cấp bộ Đoàn tham gia xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật).

4. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, phối hợp với Chính phủ và chính quyền các cấp, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tích cực vận động tạo thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; đồng thời thực hiện chức năng giám sát quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đảm bảo đúng mục tiêu và yêu cầu.

Phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan trong việc phân bổ nguồn vốn do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã huy động được (bao gồm vốn bằng tiền hoặc hiện vật như nhà ở, vật liệu xây dựng) cho các địa phương đảm bảo hợp lý và công bằng.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tích cực vận động các doanh nghiệp ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b). *MAO*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng
Thời gian ký: 05.01.2016 09:23:20 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /2015/TT-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	
ĐẾN	Số: 156... ngày 10 tháng 8 năm 2015
	Ngày: 1.2.2016 trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015
	Chuyên:
	Lưu:

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg

của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về việc xác định đối tượng, điều kiện, phương thức hỗ trợ và việc tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo tại khu vực nông thôn hoặc các hộ nghèo đang cư trú tại các thôn, làng, buôn, bản, ấp, phum sóc (gọi chung là thôn) trực thuộc phường, thị trấn; xã trực thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (sau đây viết tắt là Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg).

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở (bao gồm xây dựng mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở) theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đến từng hộ gia đình để xây dựng nhà ở theo đúng đối tượng quy định, đảm bảo diện tích và chất lượng nhà ở theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

2. Việc hỗ trợ phải đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước.

3. Hỗ trợ xây dựng nhà ở phải phù hợp với điều kiện thực tiễn, phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hóa của từng dân tộc; gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương.

4. Thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ theo phương thức cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia để xây dựng nhà ở đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng quy định; kết hợp lồng ghép các chương trình đầu tư, hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương để phát huy hiệu quả của chính sách.

5. Sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có. Chỉ thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở đối với các hộ gia đình thuộc diện đối tượng đã có đất để làm nhà ở. Đối với các hộ gia đình thuộc diện chưa có đất để làm nhà ở hoặc đã có đất để làm nhà nhưng nằm trong khu vực thường xuyên bị thiên tai, sạt lở đất, không đảm bảo an toàn, chính quyền địa phương tùy theo khả năng, điều kiện thực tế bố trí đất ở (phù hợp với quy hoạch) cho các hộ đó trước khi thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở.

Điều 3. Xác định đối tượng được hỗ trợ nhà ở

1. Đối tượng được hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg phải đảm bảo có đủ các điều kiện sau:

a) Là hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015), đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có trong

danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian kể từ khi lập hộ mới đến khi Quyết định này có hiệu lực thi hành tối thiểu 05 năm.

b) Hộ chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở.

c) Hộ chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác; trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác nhưng đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra do bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hoả hoạn chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ.

2. Trường hợp những hộ có tên trong danh sách của Đề án được hỗ trợ vay vốn làm nhà ở nhưng trong quá trình thực hiện chính sách đã thoát nghèo, vẫn thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách, được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Những hộ nghèo đã vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng khác để xây dựng nhà ở từ 01/01/2013 đến thời điểm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành nhưng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này vẫn thuộc đối tượng hỗ trợ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, được vay vốn để trả nợ khoản tiền đã vay làm nhà ở.

Điều 4. Trình tự lập và phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở

1. Trường thôn tổ chức họp để phổ biến nội dung chính sách hỗ trợ nhà ở đối với các hộ nghèo đến các hộ dân; tổ chức bình xét, đề xuất danh sách các hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở trên cơ sở danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và quản lý theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2014 (theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015). Cuộc họp phải có đại diện tối thiểu của 50% số hộ gia đình trong thôn và có sự tham gia của đại diện chính quyền cấp xã, đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã (theo mẫu tại Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này).

Việc bình xét theo nguyên tắc dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch. Hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý (theo hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín). Các thôn hướng dẫn các hộ dân có tên trong danh sách thuộc đối tượng của chính sách làm đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở (theo mẫu tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư này).

2. Danh sách các hộ gia đình nghèo đề nghị được hỗ trợ xây dựng nhà ở của thôn được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên được quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và được công khai tại thôn. Đối với những hộ có từ 02 ưu tiên trở lên thì chọn ưu tiên cao hơn. Đối với các hộ gia đình có cùng mức độ ưu tiên, việc hỗ trợ được thực hiện trước theo thứ tự sau:

a) Hộ gia đình có nhà ở hư hỏng, dột nát (làm bằng các vật liệu rẻ tiền, chất lượng thấp) có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn;

b) Hộ gia đình chưa có nhà ở (là hộ gia đình chưa có nhà ở riêng, hiện đang ở cùng bố mẹ, ở nhờ nhà của người khác, thuê nhà ở - trừ trường hợp được thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước);

c) Hộ gia đình có đông nhân khẩu.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, rà soát tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân huyện danh sách số lượng hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở, trong đó thể hiện rõ danh sách những hộ có nhu cầu vay vốn và những hộ không có nhu cầu vay vốn. Trường hợp những hộ thuộc đối tượng của chính sách nhưng không có nhu cầu vay vốn, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách để các hộ ký xác nhận đã được phổ biến nhưng không tham gia chính sách (theo mẫu tại Phụ lục số III kèm theo Thông tư này).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phải điều chỉnh danh sách thì phải phê duyệt lại và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn (theo Phụ lục số VIII kèm theo Thông tư này); gửi Đề án về Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Đề án cho Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh để làm cơ sở cho vay.

Điều 5. Phương thức xây dựng nhà ở

1. Yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng nhà ở

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu thiết kế tối thiểu 03 mẫu nhà ở điển hình phù hợp với phong tục, tập quán của từng địa phương (kèm theo dự toán kinh phí, dự trữ vật liệu chủ yếu). Các địa phương tổ chức giới thiệu các mẫu thiết kế để người dân tham khảo, lựa chọn. Tôn trọng nguyện vọng của người dân, không bắt buộc các hộ gia đình xây dựng nhà ở theo thiết kế mẫu. Tùy theo điều kiện cụ thể người dân có thể xây dựng theo kinh nghiệm, truyền thống, phù hợp với điều kiện kinh tế, sinh hoạt của gia đình, nhưng phải đảm bảo tiêu chí tối thiểu về diện tích, chất lượng theo quy định tại điểm b và c của Khoản này. Ngoài thiết kế mẫu, các địa phương có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp sửa chữa, nâng cấp nhà ở.

b) Nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 24 m² (đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m²).

c) Nhà ở phải đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng); tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên. Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

- “Nền cứng” là nền nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, gạch lát;

- “Khung - tường cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kê cả móng đỡ. Tùy điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch, đá hoặc làm từ gỗ bền chắc; móng làm từ bê tông cốt thép hoặc xây gạch, đá;

- “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt như tôn, phi brô xi măng.

Tùy điều kiện thực tế, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu có chất lượng tương đương có sẵn tại địa phương, đảm bảo thời hạn sử dụng. Ủy ban nhân dân các tỉnh hoặc ủy quyền cho Sở Xây dựng quy định chủng loại vật liệu địa phương cụ thể (nếu có), báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

2. Tổ chức xây dựng nhà ở

a) Hộ gia đình trong danh sách được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở phải có đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở (theo mẫu tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư này), đề xuất lựa chọn mẫu nhà, phương thức xây dựng nhà ở;

b) Đối với các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật) không có khả năng tự xây dựng nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức, đoàn thể khác tại địa phương tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng này;

c) Các hộ gia đình phải báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi hoàn thành các phần việc theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ xây dựng nhà ở mới, hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trở lên đối với những hộ sửa chữa, cải tạo nhà ở hiện có) hoặc hoàn thành toàn bộ công trình để tổ chức nghiệm thu làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân vốn vay;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình xây dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở; lập biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn và biên bản xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (*theo mẫu tại Phụ lục số IV và Phụ lục số V kèm theo Thông tư này*);

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

a) Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giải quyết các vướng mắc theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

b) Các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Dân tộc của Chính phủ căn cứ nội dung của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và Thông tư này phối hợp với Bộ Xây dựng để triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ phân công;

c) Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, căn cứ nguồn vốn do ngân sách trung ương cấp, Ngân hàng Chính sách xã hội huy động 50% trên tổng số vốn vay để đáp ứng nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng chính sách. Sau khi nhận được văn bản tổng hợp danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ngân hàng Chính sách xã hội làm thủ tục giải ngân vốn vay cho hộ nghèo đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định; hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục vốn vay đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện và thời hạn làm thủ tục giải ngân không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chính sách giảm nghèo cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; giao Sở Xây dựng là cơ quan thường trực chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg;

b) Tổ chức lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn theo khoản 5, Điều 4 Thông tư này;

c) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở trên địa bàn đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích và có hiệu quả. Tùy điều kiện thực tế, quyết định việc hỗ trợ thêm từ ngân sách địa phương nâng cao chất lượng nhà ở của các hộ gia đình ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương;

d) Chỉ đạo các cơ quan liên quan, các cấp chính quyền địa phương phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn, vận động cộng đồng ủng hộ, giúp đỡ hộ nghèo xây dựng nhà ở;

e) Hàng tháng báo cáo nhanh (theo Phụ lục số VI kèm theo Thông tư này) và báo cáo định kỳ mỗi năm một lần (theo Phụ lục số VII kèm theo Thông tư này) kết quả thực hiện gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

g) Lập kế hoạch vốn thực hiện chính sách (bao gồm tất cả các nguồn vốn), báo cáo tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân hàng năm gửi về Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội để làm căn cứ tổng hợp kế hoạch vốn vay;

h) Chỉ đạo thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài của địa phương, pa nô, áp phích, tờ rơi. Tổ chức công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng được thụ hưởng chính sách;

i) Ban hành các quy định hướng dẫn theo nội dung Thông tư này, đảm bảo phù hợp với đặc điểm và điều kiện của địa phương, thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chính sách giảm nghèo cấp huyện để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg;

b) Tổng hợp phê duyệt theo thẩm quyền danh sách hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn theo khoản 4, Điều 4 Thông tư này.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo chính sách đến được từng hộ nghèo có khó khăn về nhà ở thuộc diện đối tượng được hỗ trợ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực; đảm bảo các hộ nghèo có nhà ở sau khi được hỗ trợ theo quy định; có biện pháp phòng ngừa việc chuyển nhượng nhà ở trái quy định; lập báo cáo nhanh kết quả thực hiện gửi về Sở Xây dựng trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Kiện toàn Ban giảm nghèo cấp xã để thực hiện Chính sách;

b) Xem xét, tổng hợp danh sách hộ gia đình được hỗ trợ vay vốn và có nhu cầu vay vốn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp phê duyệt theo khoản 3, Điều 4 Thông tư này;

c) Tổ chức nghiệm thu xác nhận khối lượng xây dựng hoàn thành theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ gia đình xây dựng mới hoặc hoàn thành 30% khối lượng công việc xây dựng đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, nâng cấp nhà ở đã có) và xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng để làm cơ sở giải ngân và thanh toán vốn vay theo quy định. Mỗi loại biên bản lập 03 bản: 01 bản chủ hộ giữ, 01 bản gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, 01 bản Ủy ban nhân dân cấp xã làm cơ sở lập vấn bản tổng hợp danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội để giải ngân vốn vay, thời gian không được quá 03 ngày làm việc;

d) Lập hồ sơ hoàn công cho từng hộ được hỗ trợ vay vốn xây dựng nhà ở bao gồm:

- Trích danh sách có tên hộ nghèo được vay vốn hỗ trợ xây dựng nhà ở;
- Đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở;
- Biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo giai đoạn và biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng;
- Các chứng từ vay vốn để làm nhà ở.

e) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, giám sát để các hộ gia đình sử dụng vốn vay làm nhà ở đúng mục đích, đảm bảo nhà ở phải được xây dựng hoàn chỉnh để đưa vào sử dụng; vận động các tổ chức, đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giúp đỡ các hộ gia đình nghèo xây dựng nhà ở; phát huy cao nhất khả năng huy động nguồn lực từ cộng đồng và hộ gia đình, tận dụng, khai thác vật liệu tại chỗ như cát, đá, sỏi, gỗ để giảm giá thành xây dựng nhà ở;

5. Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện theo định kỳ và kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, ban hành theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

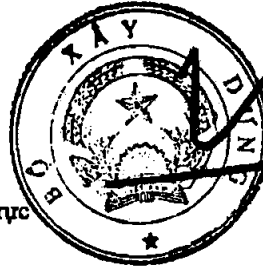
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 2 năm 2016.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để sửa đổi, bổ sung hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ; Website BXD;
- Lưu VT, QLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Hồng Hà

Phụ lục I

MẪU BIÊN BẢN BÌNH XÉT ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC VAY VỐN HỖ TRỢ
(Kèm theo Thông tư số 8/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP BÌNH XÉT ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC VAY VỐN
HỖ TRỢ XÂY DỰNG NHÀ Ở

(Theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Thôn: Xã (phường, thị trấn):
Huyện (quận, thị xã): Tỉnh (thành phố):
Cuộc họp vào hồi giờ phút, ngày tháng năm.....
Địa điểm:
Thành phần tham gia:
- Chủ trì: Ông (bà):, Chức vụ:
- Đại diện UBND xã: Ông (bà):, Chức vụ:
- Đại diện Mặt trận Tổ quốc xã: Ông (bà):, Chức vụ:
- Thư ký: Ông (bà):
- Số hộ tham gia cuộc họp/số hộ của thôn: Tỷ lệ:%.

Nội dung họp

1. Cuộc họp đã nghe ông (bà), chức vụ: phổ biến tiêu chí xác định đối tượng được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Kết quả bình xét hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở:

TT	Họ tên chủ hộ	Ngày... tháng.. năm ...được UBND cấp huyện phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/QĐ-TTg	Kết quả bình xét (Số người đồng ý/tổng số người tham dự)
1			
...			
	Tổng cộng		

Cuộc họp kết thúc giờ, phút cùng ngày.
Biên bản được làm thành 02 bản, 01 bản lưu thôn, 01 bản gửi UBND xã.

Thư ký Đại diện các hộ dân Đại diện Mặt trận Tổ quốc xã Đại diện UBND xã Chủ trì (Trưởng thôn)

Phụ lục số II

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ VAY VỐN HỖ TRỢ VÀ CAM KẾT XÂY DỰNG NHÀ Ở
(Theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Kính gửi: UBND xã (phường, thị trấn)
Huyện (quận, thị xã)..... Tỉnh (thành phố).....

Tên tôi là:.....

Có hộ khẩu thường trú tại thônXã (phường, thị trấn)

Huyện (quận, thị xã)..... Tỉnh (thành phố).....

Là hộ có tên trong danh sách phê duyệt được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, xin đăng ký vay vốn làm nhà ở với UBND xã (phường, thị trấn) các nội dung sau:

1. Mẫu nhà áp dụng (nếu xây dựng mới):
2. Đề nghị cung ứng vật liệu để xây dựng nhà ở (nếu có nhu cầu)

Thứ tự	Tên vật liệu chính	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Xi măng			
2	Sắt thép			
3	Gỗ			
4	Tấm lợp			

3. Số tiền đề nghị vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội:.....đồng.

4. Đề nghị tổ chức, đoàn thể xây dựng nhà ở ()

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay để xây dựng nhà ở.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

Ý KIẾN CỦA UBND CẤP XÃ

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(ký, ghi rõ họ tên)

* Chỉ áp dụng đối với các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)

Phụ lục số III

(Kèm theo Thông tư số 8/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

UBND HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

UBND XÃ.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng ... năm

DANH SÁCH

**NHỮNG HỘ NGHÈO THUỘC DIỆN ĐƯỢC HỖ TRỢ NHƯNG KHÔNG
CÓ NHU CẦU VAY VỐN LÀM NHÀ Ở**

Hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, nhưng không có nhu cầu vay vốn làm nhà ở tại thôn.....

TT	Họ tên chủ hộ	Chữ ký xác nhận không có nhu cầu vay vốn làm nhà ở	Ghi Chú
1			
...			

TRƯỜNG THÔN

MẬT TRẬN TÔ QUỐC XÃ

UBND XÃ

Phụ lục số IV

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH THEO GIAI ĐOẠN
XÂY DỰNG NHÀ Ở**

Hôm nay, ngày.... thángnăm.....

Tại công trình xây dựng nhà ở :

Địa chỉ tại thôn: Xã (phường, thị trấn):

Huyện (quận, thị xã):..... Tỉnh (thành phố):

Thành phần Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở

1. Đại diện UBND cấp xã

- Ông (bà): chức vụ:

2. Đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã

- Ông (bà): chức vụ:

3. Đại diện thôn

- Ông (bà): chức vụ:

- Ông (bà): chức vụ:

4. Đại diện hộ gia đình

- Ông (bà):

Nội dung xác nhận

Sau khi kiểm tra, xem xét thực tế phần công việc đã thực hiện của giai đoạn xây dựng phần móng nhà (hoặc hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trở lên đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà ở đã có); Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở cho hộ nghèo cấp xã thống nhất nội dung sau:

1. Về khối lượng:

- Xác nhận hoàn thành phần móng nhà ở

- Xác nhận hoàn thành 30% khối lượng công việc (đối với hộ gia đình thực hiện sửa chữa,

cải tạo, nhà ở đã có)

2. Về chất lượng (Xác nhận việc đạt hay không đạt yêu cầu về chất lượng)

Biên bản lập thành 03 bản; 01 bản chủ hộ gia đình lưu giữ; 01 bản gửi phòng Tài chính huyện; 01 bản UBND cấp xã lưu và làm cơ sở lập Văn bản tổng hợp Danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội để giải ngân vốn vay.

THÀNH PHẦN THAM GIA XÁC NHẬN

(ký và ghi rõ họ, tên)

1. Đại diện UBND xã

2. Đại diện Mặt trận Tổ quốc xã

3. Đại diện thôn

4. Đại diện hộ gia đình

Phụ lục số V

(Kèm theo Thông tư số 8/2015/TT-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO**

Hôm nay, ngày.... tháng năm.....

Tại công trình xây dựng nhà ở:

Địa chỉ tại thôn:..... Xã (phường, thị trấn):

Huyện (quận, thị xã):..... Tỉnh (thành phố):

Thành phần Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở cho hộ nghèo cấp xã gồm:

1. Đại diện UBND cấp xã

- Ông (bà): chức vụ:

2. Đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã

- Ông (bà): chức vụ:

3. Đại diện thôn

- Ông (bà): chức vụ:

- Ông (bà): chức vụ:

4. Đại diện hộ gia đình

- Ông (bà):

Nội dung xác nhận

Sau khi kiểm tra, xem xét thực tế nhà ở đã xây dựng hoàn thành, Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở cho hộ nghèo cấp xã thống nhất các nội dung sau:

1. Về khối lượng

Xác nhận nhà ở xây mới (hoặc sửa chữa, cải tạo nhà đang có) của chủ hộ
đã hoàn thành. Diện tích sàn sử dụng m².

2. Về chất lượng (Xác nhận việc đạt hay không đạt yêu cầu về chất lượng)

Kết luận

Xác nhận công trình đã hoàn thành, đảm bảo chất lượng theo quy định và đồng ý đưa vào sử dụng.

Biên bản lập thành 03 bản; 01 bản cho chủ hộ; 01 bản gửi phòng Tài chính huyện; 01 bản để Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, lập hồ sơ hoàn thành công trình gửi Ủy ban nhân dân huyện.

THÀNH PHẦN THAM GIA XÁC NHẬN

(kí và ghi rõ họ, tên)

1. Đại diện UBND cấp xã

2. Đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã

3. Đại diện thôn

4. Đại diện hộ gia đình

Phụ lục số VI

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH, TP.....

BÁO CÁO HÀNG THÁNG

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg
Tháng năm 20...

I. Về số liệu thực hiện

TT	Nội dung	Đơn vị	Kết quả thực hiện trong tháng	Lũy kế thực hiện từ đầu Chương trình	Kế hoạch tháng tiếp theo	Ghi chú
1	Hộ xây dựng nhà ở mới	hộ				
2	Hộ sửa chữa, nâng cấp nhà ở	hộ				
3	Tổng số vốn huy động được	triệu đồng				
	Trong đó:					
	- Vốn vay Ngân hàng CSXH	triệu đồng				
	- Vốn huy động khác	triệu đồng				
4	Kết quả giải ngân vốn hỗ trợ (giải ngân hộ gia đình)					
	Tổng số vốn đã giải ngân	triệu đồng				
	Trong đó:					
	- Vốn vay Ngân hàng CSXH	triệu đồng				
	- Vốn huy động khác	triệu đồng				

II. Về khó khăn, vướng mắc

III. Kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP

(Họ tên, số điện thoại liên lạc, email)

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Phụ lục số VII

MẪU BÁO CÁO CỦA UBND CẤP TỈNH

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM

Kết quả triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo

I. Kết quả thực hiện chính sách

1. Số hộ đã được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới:

- Số lượng nhà ở xây dựng mới lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ:căn, tương đương% so với số lượng nhà ở đã được phê duyệt tại đề án của tỉnh.

- Số lượng nhà ở xây dựng mới lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ của các hộ cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 (đối với các tỉnh, thành phố có các huyện nghèo thuộc diện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ):.....căn.

- Số lượng nhà ở xây dựng mới lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ của các hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số:.....căn

2. Số lượng nhà ở sửa chữa, cải tạo nhà ở hiện có:

- Số hộ đã được hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ:căn, tương đương% so với số lượng nhà ở đã được phê duyệt tại đề án của tỉnh.

- Số hộ đã được hỗ trợ sửa chữa, cải tạo nhà ở đang có lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ của các hộ cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 (đối với các tỉnh, thành phố có các huyện nghèo thuộc diện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ):.....căn.

- Số hộ đã được hỗ trợ sửa chữa, cải tạo nhà ở đang có lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ của các hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số:.....căn,

3. Tổng số vốn huy động để thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo:

Trong đó:

- Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Vốn huy động khác:

4. Tổng số vốn đã được giải ngân để thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo:

Trong đó:

- Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Vốn huy động khác:

5. Công tác triển khai hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo:

- Về cách thức thực hiện hỗ trợ:

- Về chất lượng nhà ở, vật liệu làm nhà ở, diện tích:

II. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện

.....
.....
.....

III. Những kiến nghị của địa phương.

.....
.....
.....

TM. UBND TỈNH

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số VIII

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

ĐỀ CƯƠNG

Xây dựng đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ

UBND TỈNH (TP):

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHEÒ THEO CHUẨN NGHEÒ GIAI
ĐOẠN 2011 - 2015**

**(theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của
Thủ tướng Chính phủ)**

I. MỞ ĐẦU:

1. Khái quát những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sự ảnh hưởng của vị trí địa lý, khí hậu đối với nhà ở của các hộ nằm trong đối tượng được hỗ trợ nhà ở tại địa phương.

2. Nêu sự cần thiết phải lập Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

3. Các căn cứ để lập Đề án.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHEÒ THEO CHUẨN NGHEÒ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG.

1. Nhận xét, đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

a) Về số lượng nhà ở;

b) Về chất lượng nhà ở.

2. Đánh giá tác động của các yếu tố khí hậu đối với nhà ở về đảm bảo an toàn khi xảy ra bão, tố, lốc trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Nhận xét, đánh giá chung về thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đã và đang thực hiện tại địa phương:

a) Về ưu điểm;

b) Về các hạn chế, tồn tại (phân tích nguyên nhân và biện pháp khắc phục).

III. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỰC CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO

1. Về phương thức huy động nguồn lực.

2. Về quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo.

3. Về thực hiện việc quản lý sử dụng, cấp phát, thanh toán nguồn vốn cấp, vay tín dụng ưu đãi cũng như các nguồn vốn huy động khác.

4. Về cách thức hỗ trợ (người dân tự làm hoặc do các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng sau đó bàn giao cho hộ dân,...).

5. Đánh giá chung về việc thực hiện huy động và quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đã thực hiện trong thời gian qua.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu, nguyên tắc hỗ trợ.

2. Yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở.

3. Mức vay để làm nhà ở.

4. Đối tượng được hỗ trợ nhà ở (theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg).

5. Phạm vi áp dụng: tại khu vực nông thôn hoặc tại các thôn, làng, buôn, bản, ấp, phum, sóc (gọi tắt là thôn) trực thuộc phường, thị trấn; xã trực thuộc thị xã, thành phố.

6. Xác định số lượng hộ nghèo cần hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tổng số hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới, sửa chữa nâng cấp nhà ở hiện có (tính đến thời điểm Quyết định 33/2015/QĐ-TTg

có hiệu lực thi hành):.....hộ. Trong đó số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ tự nguyện đăng ký vay vốn làm nhà ở:.....hộ.

- Tổng số hộ thuộc diện đối tượng hỗ trợ đăng ký vay vốn làm nhà ở cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 (Đối với các tỉnh, thành phố có các huyện nghèo thuộc diện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ):.....hộ.

7. Phân loại đối tượng ưu tiên(hộ gia đình đăng ký vay vốn làm nhà ở):

a) Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)....hộ;

b) Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số.....hộ;

c) Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.....hộ;

d) Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn.....hộ;

đ) Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.....hộ;

e) Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.....hộ;

f) Các hộ gia đình còn lại.....hộ.

Đối với các hộ thuộc diện từ hai loại đối tượng ưu tiên trở lên thì chọn loại ưu tiên cao nhất.

8. Nguồn vốn thực hiện:

Ngoài các nguồn vốn quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg còn bao gồm các nguồn vốn của tỉnh, thành phố dự kiến huy động được để hỗ trợ.

9. Xác định tổng số vốn thực hiện và phân khai nguồn vốn thực hiện:

Tổng số vốn cần có để thực hiện:.....tỷ đồng.

- Vốn vay tín dụng ưu đãi:.....tỷ đồng;

- Dự kiến vốn huy động tại địa phương từ quỹ “Ngày vì người nghèo” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động và từ các doanh nghiệp do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vận động:.... tỷ đồng;

- Dự kiến vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ:.....tỷ đồng.

- Các nguồn vốn khác (nếu có):.....tỷ đồng.

10. Cách thức thực hiện:

a) Bình xét và phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

b) Cấp vốn vay ưu đãi làm nhà ở.

c) Thực hiện xây dựng nhà ở.

11. Tiến độ thực hiện:

- Năm 2016: Thực hiện hỗ trợ khoảng 10% số đối tượng;

- Năm 2017: Thực hiện hỗ trợ khoảng 20% số đối tượng;

- Năm 2018: Thực hiện hỗ trợ khoảng 25% số đối tượng;

- Năm 2019: Thực hiện hỗ trợ khoảng 25% số đối tượng;

- Năm 2020: Thực hiện hỗ trợ khoảng 20% số đối tượng.

12. Tiến độ huy động vốn hàng năm:

a) Năm 2016:

Tổng số vốn cần có để thực hiện:..... tỷ đồng.

- Vốn vay tín dụng ưu đãi:.....tỷ đồng;

- Vốn huy động khác:.....tỷ đồng.

b) Năm 2017:.....

c) Năm 2018:.....

d) Năm 2019:.....

đ) Năm 2020:.....

13. Tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo thực hiện việc rà soát, bình xét, lập danh sách, phân loại đối tượng ưu tiên theo quy định; lập, phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan; củng cố và kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các mục tiêu giảm nghèo các cấp; giao các cơ quan chức năng thiết kế mẫu nhà ở phù hợp và giới thiệu rộng rãi để nhân dân lựa chọn.

b) Cụ thể hoá các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao các địa phương tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

c) Phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

2. Kiến nghị

VI. PHỤ LỤC

Bảng thống kê danh sách hỗ trợ nhà ở đối với các hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg (phụ lục số IX kèm theo Thông tư số /2015/TT-BXD ngày tháng năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

..... ngày tháng năm 2015.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ

Phụ lục số IX

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC DIỆN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐĂNG KÝ VAY VỐN LÀM NHÀ Ở THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2015/QĐ-TTg

(phụ lục số IX kèm theo Thông tư số 88/2015/TT-BXD ngày 08 tháng 08 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Đơn vị tính: Hộ gia đình
				Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
Tổng cộng (Tỉnh, TP)											
I Huyện A											
I.1	Xã A1										
I.1.1	Thôn, bản ...										
1	Nguyễn Văn A										
2	Trần Thị B										
I.2	Xã A2										
I.2.1	Thôn, bản ...										
1	Lê Thị C										
2	Trần Văn D										
II Huyện B											
II.1	Xã B1										
II.1.1	Thôn, bản ...										
1	...										

Ghi chú: Đối với những hộ có từ hai ưu tiên trở lên, chỉ tổng hợp và ghi vào một cột có ưu tiên cao hơn.

Người lập biểu
(họ, tên, số điện thoại liên lạc)

TM. UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

Số: 7447/NHNN-TD

V/v cho vay hộ nghèo về nhà ở giai
đoạn 2 theo Quyết định số
33/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2015

Kính gửi:

- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 – 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu Ngân hàng Chính sách xã hội, các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện một số nội dung sau:

1. Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội

1.1. Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn và kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất để đảm bảo thực hiện cho vay hộ nghèo thuộc đối tượng được vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Điều 2 Quyết định 33/2015/QĐ-TTg (sau đây gọi tắt là Quyết định 33), trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

1.2. Xây dựng quy trình cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 33, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục vay vốn đối với hộ nghèo có nhu cầu vay vốn làm nhà theo quy định, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

Về phương thức cho vay: Ngân hàng Chính sách xã hội trực tiếp cho vay hoặc thực hiện ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội theo cơ chế ủy thác như cho vay đối với hộ nghèo.

1.3. Thực hiện công khai các thông tin về chính sách và kết quả cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 33 tại điểm giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội để người vay biết và thực hiện. Tổ chức đào tạo cho cán bộ tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn. Đồng thời, thực hiện tốt việc hướng dẫn cho người vay trong việc làm thủ tục vay vốn, sử dụng tiền vay đúng mục đích, có hiệu quả.

1.4. Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức thực hiện và phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cùng cấp, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác trong việc cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và đôn đốc thu hồi nợ, xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Quyết định 33 và quy định của pháp luật có liên quan.

1.5. Hằng tháng (trước ngày 10 của tháng tiếp theo), Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp tình hình cho vay đối với hộ nghèo xây dựng nhà ở theo

Quyết định 33 gửi về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế theo mẫu biểu đính kèm.

2. Đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

2.1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

- Theo dõi, tổng hợp tình hình cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ nghèo vay vốn làm nhà ở theo Quyết định 33 trên địa bàn, báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) khi có yêu cầu.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát và thanh tra theo thẩm quyền đối với Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn trong việc cho vay đối với hộ nghèo để xây dựng nhà ở theo Quyết định 33.

- Tham mưu và phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cùng với các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay hộ nghèo xây dựng nhà ở theo Quyết định 33 tại địa phương. Trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) để được xem xét, xử lý.

2.2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

Thực hiện việc kiểm tra, giám sát và thanh tra theo thẩm quyền đối với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc cho vay đối với hộ nghèo để xây dựng nhà ở theo Quyết định 33./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Bộ Xây dựng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị: Vụ PC, Vụ CSTT, CQTGGSNH;
- Lưu: VP, VTDCNKT (3b).

Đính kèm:

Mẫu biểu báo cáo.



Nguyễn Đồng Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VỀ NHÀ Ở
(Theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg và Quyết định 33/2015/QĐ-TTg)

Tháng Năm

Đơn vị: Triệu đồng, khách hàng

STT	Tỉnh, thành phố	GIAI ĐOẠN I				GIAI ĐOẠN 2				TỔNG CỘNG						
		Lũy kế thu nợ từ đầu năm	Tổng dư nợ	Trong đó		Lũy kế thu nợ từ đầu năm	Tổng dư nợ	Trong đó		Tổng dư nợ	Trong đó		Số khách hàng còn dư nợ			
				Nợ quá hạn	Nợ khoanh			Số tiền	Số khách hàng		Nợ quá hạn	Nợ khoanh		Nợ quá hạn	Nợ khoanh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1																
2																
3																
.....																
Tổng cộng																

....., ngày tháng năm

Tổng Giám đốc
(Ký, tên, đóng dấu)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)